|  |  |
| --- | --- |
| Trường: THCS Lộc Hạ  **Tổ: Khoa học tự nhiên** | **Họ tên giáo viên:** Đỗ Thị Thu  Triệu Thị Thanh Nhàn    **Ngày soạn: 5/10/2022** |

**Tên bài kiểm tra: Khảo sát học kì I**

**Môn: KHTN 6/Bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống . Thời gian: 60 phút**

**I. MỤC TIÊU**

1. Về năng lực

- Trình bày được cách sử dụng một số dụng cụ đo thông thường khi học tập môn Khoa học tự nhiên (các dụng cụ đo chiều dài, thể tích, ...).

-Trình bày các quy định an toàn khi học trong phòng thực hành.

- Nêu được thành phần của không khí (oxygen, nitrogen, carbon dioxide (cacbon đioxit), khí hiếm, hơi nước).

- Đưa ra được một số ví dụ về một số đặc điểm cơ bản ba thể của chất.

- Nêu được cách sử dụng một số nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu an toàn, hiệu quả và bảo đảm sự phát triển bền vững.

- Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, thông dụng trong cuộc sống và sản xuất như:

+ Một số vật liệu (kim loại, nhựa, gỗ, cao su, gốm, thuỷ tinh,...);

+ Một số nhiên liệu (than, gas, xăng dầu, ...); sơ lược về an ninh năng lượng;

+ Một số nguyên liệu (quặng, đá vôi, ...);

- Nhận biết được tế bào là đơn vị cấu trúc của sự sống.

- Nêu được chức năng của thành tế bào thực vật

- Phân biệt được tế bào nhân sơ và tế bào nhân thực.

- Nêu được khái niệm mô.

- Nhận biết được cơ thể đơn bào và đa bào.

- Lấy được ví dụ về cơ quan.

- Lấy được ví dụ về cơ thể đơn bào, cơ thể đa bào.

- Nêu được một số vai trò của vi khuẩn.

- Nêu được 1 số bệnh do vi khuẩn gây ra. Trình bày được một số cách phòng và chống bệnh do vi khuẩn gây ra.

- Vận dụng được hiểu biết về vi khuẩn vào giải thích một số hiện tượng trong thực tiễn (ví dụ: vì sao thức ăn để lâu bị ôi thiu và không nên ăn thức ăn ôi thiu)

**2. Về phẩm chất**

*- Chăm chỉ:* Luôn cố gắng vươn lên đạt kết quả tốt trong học tập.

+ Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng học được ở nhà trường vào học tập, giải thích các hiện tượng trong thực tế đời sống.

*- Trung thực:* Đấu tranh với các hành vi thiếu trung thực trong học tập và trong cuộc sống.

* *Trách nhiệm:* Có ý thức tiết kiệm thời gian, sử dụng thời hợp lý để xây dựng thực hiện chế độ học tập khoa học, hiệu quả.

**II. YÊU CẦU**

1. Giáo viên: Ma trận đề kiểm tra, bản đặc tả, đề, hướng dẫn chấm.

2. Học sinh: Ôn tập hệ thống kiến thức từ bài 1- bài 29.

**III. TIẾN TRÌNH**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiết** | **Hoạt động** | **Tên bài kiểm tra** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** |
| 1 | 45 phút | Kiểm tra cuối kì I | Kiểm tra viết | Bài kiểm tra (TN+ TL) |
| 2 | 15 phút | Kiểm tra cuối kì I | Kiểm tra viết | Bài kiểm tra (TN+ TL) |
| 30 phút | Chữa bài kiểm tra |  |  |

**1. Ma trận**

**- Thời điểm kiểm tra:** *Kiểm tra cuối học kì I khi kết thúc bài 29.Virus.*

**- Thời gian làm bài:** *60 phút*

**- Hình thức kiểm tra:** *Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 40% trắc nghiệm, 60% tự luận)*

**- Cấu trúc:**

+ Mức độ đề: *40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao*

+ Phần trắc nghiệm: 4,0 điểm *(gồm 16 câu hỏi: nhận biết: 10 câu, thông hiểu: 6 câu), mỗi câu 0,25 điểm*

+ Phần tự luận: 6,0 điểm *(Nhận biết: 1,5 điểm; Thông hiểu: 1,5 điểm; Vận dụng: 2,0 điểm; Vận dụng cao: 1,0 điểm)*

+ Nội dung nửa đầu học kì 1: *25% (2,5 điểm)*

+ Nội dung nửa sau học kì 1: *75% (7,5 điểm)*

**II.Khung ma trận**

| **Chủ đề** | **MỨC ĐỘ** | | | | | | | | **Tổng số câu** | | **Điểm số** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* |
| *1. Mở đầu về KHTN (13 Tiết )* |  | **2** |  | **1** |  | **1** |  |  |  |  | 1 |
| *2.Chất quanh ta (8 tiết )* | 4 | **2** | 2 |  |  | **1** |  |  |  |  | 2,25 |
| *3. Một số vật liệu nguyên liệu , nhiên liệu thông dụng*  *( 4 Tiết )* |  |  | 2 | **1** | 2 |  | 2 |  |  |  | 1,75 |
| *5.Tế bào (8 tiết )* |  | **1** |  | **1** |  | **1** |  |  |  |  | 0.75 |
| *6. Từ tế bào đến cơ thể (7 tiết)* |  | **1** |  | **1** |  |  |  |  |  |  | 0.5 |
| *7. Đa dạng thế giới sống (10 tiết)* |  | **6** |  | **5** | 3 |  | **1** |  |  |  | 3.75 |
| **Số câu TN/ Số ý TL** | **4** | **12** | **4** | **9** | **5** | **3** | **3** |  | 24 | 16 |  |
| **Điểm số** | **1** | **3** | **1** | **2,25** | **1,25** | **0,75** |  |  | **6** | **4** |  |
| **Tổng số điểm** | **4,0 điểm** | | **3,25 điểm** | | **2,0 điểm** | | **0,75 điểm** | | **10 điểm** | | **10 điểm** |

**2 . Bản đặc tả**

| **Nội dung** |  | **Yêu cầu cần đạt** | **Số câu hỏi** | | **Câu hỏi** | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | | | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** |
| Giới thiệu về Khoa học tự nhiên  Các lĩnh vực chủ yếu của Khoa học tự nhiên  Giới thiệu một số dụng cụ đo và quy tắc an toàn trong phòng thực hành | Nhận biết | - Trình bày được cách sử dụng một số dụng cụ đo thông thường khi học tập môn Khoa học tự nhiên (các dụng cụ đo chiều dài (\*), thể tích, ...).  - Đọc được các hình ảnh quy định an toàn phòng thực hành | 3 |  | C1, C3,C4 |  |
|  | Thông hiểu | -Trình bày các quy định an toàn khi học trong phòng thực hành. | 1 |  | C2 |  |
| **Chủ đề 2. Chất quanh ta (8 tiết)** | | |  |  |  |  |
| ***Các thể (trạng thái) của chất***  - Sự đa dạng của chất  - Ba thể (trạng thái) cơ bản của chất  - Sự chuyển đổi thể (trạng thái) của chất  ***Oxygen (oxi) và không khí*** | Nhận biết | - Nêu được thành phần của không khí (oxygen, nitơ, carbon dioxide (cacbon đioxit), khí hiếm, hơi nước). | 1 |  | C6 |  |
| Thông hiểu | * Đưa ra được một số ví dụ về một số đặc điểm cơ bản ba thể của chất. * Trình bày được sự ô nhiễm không khí: các chất gây ô nhiễm, nguồn gây ô nhiễm không khí, biểu hiện của không khí bị ô nhiễm. * Nhận biết được chất có trong các vật thể | 1 | 1 | C5 | C17 |
|  | Vận dụng | * Phân biệt được tính chất vật lí, tính chất hoá học của chất. | 1 |  | C7 |  |
| **Chủ đề 3. Một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, thông dụng; tính chất và ứng dụng của chúng (4 tiết)** | | | | | | |
| - Một số vật liệu  - Một số nhiên liệu  - Một số nguyên liệu  - Một số lương thực - thực phẩm | Nhận biết | - Nêu được cách sử dụng một số nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu an toàn, hiệu quả và bảo đảm sự phát triển bền vững. | 1 |  | C8 |  |
| Thông hiểu | - Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực, thực phẩm thông dụng trong cuộc sống và sản xuất như:  + Một số vật liệu (kim loại, nhựa, gỗ, cao su, gốm, thuỷ tinh,...);  + Một số nhiên liệu (than, gas, xăng dầu, ...); sơ lược về an ninh năng lượng;  + Một số nguyên liệu (quặng, đá vôi, ...); |  | 2 |  | C18,C19 |
| **Chủ đề 5. Tế bào – đơn vị cơ sở của sự sống (13 tiết)** | | | | | | |
| - Khái niệm tế bào  - Hình dạng và kích thước tế bào  - Cấu tạo và chức năng tế bào  - Sự lớn lên và sinh sản của tế bào  - Tế bào là đơn vị cơ sở của sự sống | Nhận biết | - Nhận biết được tế bào là đơn vị cấu trúc của sự sống.  - Nêu được chức năng của thành tế bào thực vật | 1  1 |  | C9  C10 |  |
| Thông hiểu | - Phân biệt được tế bào nhân sơ và tế bào nhân thực | 1 |  | C11 |  |
|  |  |  |  |  |  |
|
| **Chủ đề 6. Từ tế bào đến cơ thể (7 tiết)** | | | | | | |
| - Từ tế bào đến mô  - Từ mô đến cơ quan  - Từ cơ quan đến hệ cơ quan  - Từ hệ cơ quan đến cơ thể | Nhận biết | - Nêu được khái niệm mô  - Nhận biết được cơ thể đơn bào và đa bào | 1  1 |  | C12  C14 |  |
| Thông hiểu | -. Lấy được các ví dụ minh hoạ về mô, cơ quan, hệ cơ quan.  - Lấy được ví dụ về cơ thể đơn bào, cơ thể đa bào. | 1 |  | C13 |  |
| **Chủ đề 7. Đa dạng thế giới sống (16 tiết)** | | | | | | |
| - Phân loại thế giới sống | Nhận biết | - Nêu được một số vai trò của vi khuẩn  - Nêu được 1 số bệnh do vi khuẩn gây ra. Trình bày được một số cách phòng và chống bệnh do vi khuẩn gây ra | 1 | 1 | C15 | C4 |
| Thông hiểu | - Phân biệt được virus và vi khuẩn | 1 |  | C16 |  |
|  | Vận dụng cao | - Vận dụng được hiểu biết về virus và vi khuẩn vào giải thích một số hiện tượng trong thực tiễn (ví dụ: vì sao thức ăn để lâu bị ôi thiu và không nên ăn thức ăn ôi thiu) |  | 1 |  | C5 |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD-ĐT TP Nam Định**  TRƯỜNG THCS Lộc Hạ | **ĐỀ KHẢO SÁT CUỐI HỌC KỲ I**  **NĂM HỌC 2022 - 2023**  **Môn: KHTN, Lớp 6**  *Thời gian làm bài*: 60 phút  *(Không kể thời gian giao đề)* |

**PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (4điểm)**

*Khoanh tròn vào chữ cái (A, B, C, D) đứng trước câu trả lời đúng nhất*

**Câu 1.** Hãy cho biết giới hạn đo và độ chia nhỏ nhất của thước kẻ trong hình sau:

https://tech12h.com/sites/default/files/styles/inbody400/public/capture_8.jpg?itok=56yv8j1y

A. Giới hạn đo là 30 cm và độ chia nhỏ nhất là 1 mm,

B. Giới hạn đo là 30 cm và độ chia nhỏ nhất là 1 cm.

C Giới hạn đo là 30 mm và độ chia nhỏ nhất là 1 mm.

D. Giới hạn đo là 3 cm và độ chia nhỏ nhất là 1 mm.

**Câu 2.** Hành động nào sau đây **không** phù hợp với các quy tắc an toàn trong phòng thực hành?

A. Chỉ tiến hành thí nghiệm khi có người hướng dẫn.

B. Nô đùa trong phòng thực hành .

C. Thu dọn phòng thực hành, rửa sạch tay sau khi đã thực hành xong.

D. Mặc đồ bảo hộ, đeo kính, khẩu trang.

**Câu 3.** Công việc nào dưới đây **không** phù hợp với việc sử dụng kính lúp?

1. Người già đọc sách. B. Sửa chữa đồng hồ.

C. Khâu vá. D. Quan sát một vật ở rất xa.

**Câu 4.** Đơn vị đo thời gian trong hệ đo lường hợp pháp của nước ta là

A. s (giây). B. min (phút). C. h (giờ). D. năm ánh sáng.

**Câu 5.** Cho các phát biểu sau

1. Trong *chai giấm* có *nước* và *acetic acid*.
2. *Cốc* bằng *thủy tinh* dễ vỡ hơn so với *cốc* bằng *chất dẻo.*
3. Vỏ *bao diêm* có chứa *potassium chlorate* để tạo lửa.

A. giấm, thủy tinh, chất dẻo, bao diêm.

B. acetic acid, chất dẻo, potassium chlorate.

C. giấm, cốc, bao diêm .

D**.** nước, cốc, potassium chlorate.

**Câu 6**. Trong không khí thì oxygen (oxi) chiếm bao nhiêu phần trăm thể tích không khí?

A. 10% B. 21% C. 50% D. 78%

**Câu 7.** Cho các tính chất sau:

1. Nhôm là kim loại màu trắng bạc, nhẹ nên dùng trong kĩ thuật hàng không.

2. Cồn có thành phần chính là ethanol rất dễ cháy.

3.Nước bay hơi ở 100oC và có khả năng hòa tan được nhiều chất.

4. Đồng là kim loại có màu đỏ, dẫn điện tốt nên dùng làm dây dẫn điện.

5. Vàng là kim loại có tính dẻo, dễ kéo dài, dát mỏng

6. Sodium carbonate tác dụng với axit trong dịch vị dạ dày chữa chứng ợ chua.

7. Cồn 70o có tính sát khuẩn

Số quá trình thể hiện tính chất hoá học là

A. 4. B. 3. C. 2. D. 1.

**Câu 8.** Trong các vật liệu sau, vật liệu nào dẫn điện tốt?

A. Thuỷ tinh. B. Gốm. C. Kim loại. D. Cao su.

**Câu 9. Đơn vị cơ bản cấu tạo nên cơ thể sống gọi là gì?**

A. Mô.       B. Tế bào.              C. Biểu bì.                 D. Bào quan.

**Câu 10. Thành tế bào ở thực vật có vai trò gì?**

A. Tham gia trao đổi chất với môi trường.

B. Là nơi diễn ra các hoạt động sống của tế bào.

C. Quy định hình dạng và bảo vệ tế bào.

D. Tham gia cấu tạo hệ thống nội màng.

**Câu 11.** Đặc điểm của tế bào nhân thực là

A. có thành tế bào.

B. có chất tế bào.

C. có lục lạp.

D. có màng nhân bao bọc vật chất di truyền.

**Câu 12.** Mô là gì?

A. Một nhóm tế bào khác nhau, khác chức năng.

B. Một nhóm tế bào khác nhau, có chức năng đặc biệt.

C. Một nhóm tế bào cùng loại, cùng chức năng.

D. Một nhóm tế bào cùng loại, có chức năng khác nhau.

**Câu 13.** Chiếc lá cây là cấp độ tổ chức nào dưới đây?

A. Cơ quan.

B. Hệ cơ quan.

C. Tế bào.

D. Mô.

**Câu 14.** Trong các sinh vật dưới đây, đâu là sinh vật đơn bào?

A. San hô.

B. Sứa.

C. Mực.

D. Trùng biến hình.

**Câu 15.** Ý nào dưới đây **không** đúng khi nói về vai trò của vi khuẩn?

A. Để chế biến các thực phẩm lên men: sữa chua, dưa muối…

B. Làm thuốc chữa tất cả các bệnh.

C. Phân hủy xác thực vật, động vật.

D. Làm phân bón vi sinh cho cây trồng.

**Câu 16.** Virus **không** được coi là một sinh vật hoàn chỉnh vì

A. virus thường gây bệnh ở người và động vật.

B. virus là loại tế bào nhỏ nhất.

C. virus không có khả năng nhân đôi.

D. virus chưa có cấu tạo tế bào.

**PHẦN II. TỰ LUẬN (6 điểm )**

**Câu 1. (1,5 điểm)**

a. Lấy hai ví dụ về chất ở thể rắn và hai ví dụ về chất ở thể lỏng mà em biết.

b. Trình bày các nguyên nhân gây ô nhiễm không khí.

**Câu 2. (1,0 điểm)**

Trong các loại vật liệu sau: nhựa, gỗ, thuỷ tinh, kim loại, người ta hay dùng vật liệu nào để làm nồi, xoong nấu thức ăn? Tại sao phải chọn vật liệu đó mà không dùng vật liệu khác?

**Câu 3. (0,5 điểm)**

Kể tên 2 nguyên liệu tồn tại ở thể rắn trong điều kiện thường?

**Câu 4.** **(1.5 điểm)**

Vi khuẩn có ở khắp mọi nơi, có loại có lợi nhưng cũng không ít loại có hại gây bệnh cho con người. Em hãy kể tên một số bệnh do vi khuẩn gây ra ở người và đưa ra biện pháp phòng tránh các bệnh đó?

**Câu 5. (1.5 điểm)**

a. Em hãy giải thích vì sao thực phẩm để lâu bên ngoài không khí, không được bảo quản dễ bị ôi thiu?

b. Chúng ta có nên ăn thực phẩm đã bị ôi thiu không? Tại sao?

c. Em hãy kể tên một số biện pháp giữ cho thực phẩm lâu bị hỏng?

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD-ĐT TP NAM ĐỊNH**  **TRƯỜNG THCS LỘC HẠ** | **ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM**  **ĐỀ KHẢO SÁT HỌC KÌ 1, NĂM HỌC 2022 - 2023**  **Môn: KHOA HỌC TỰ NHIÊN - Lớp 6** |

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (4 điểm)**

Mỗi đáp án đúng được 0,25 điểm.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| Đáp án | A | B | D | A | C | B | C | C | B | C |
| Câu | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 |
| Đáp án | D | C | A | D | B | D |

**II. PHẦN TỰ LUẬN (6 điểm)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** |  | **Đáp án** | **Điểm** |
| **1**  (1,5 điểm) | **a** | - Ví dụ về chất ở thể rắn: Gỗ, sắt | 0,5 |
| - Ví dụ chất ở thể lỏng: Nước, xăng | 0,5 |
| **b** | Không khí có thể bị ô nhiễm bởi khói bụi, khí thải độc hại | 0,5 |
| **2**  (1,0 điểm) |  | - Vật liệu dùng để làm thân nồi, xoong là kim loại | 0,25 |
| - Vật liệu dùng làm tay cầm là nhựa, gỗ | 0,25 |
| - Vì thân nồi, xoong phải dẫn nhiệt tốt để thức ăn nhanh chín còn tay cầm thì cần làm bằng vật liệu dẫn nhiệt kém hoặc cách nhiệt để tránh bị bỏng tay. | 0,5 |
| **3**  ( 0,5 điểm ) |  | Nguyên liệu rắn : đá vôi, quặng | 0,5 |
| **4**  (1.5 điểm) |  | Một số bệnh do vi khuẩn gây ra ở người: viêm phổi, viêm phế quản, lao phổi, tả…  Kể tên được 1 bệnh đúng được 0.25 điểm. (có thể kể các bệnh ngoài đáp án nhưng đúng vẫn cho điểm) | 0.5 điểm |
| Các biện pháp phòng tránh bệnh do vi khuẩn gây ra ở người:  + Ăn chín, uống sôi.  + Rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh.  + Vệ sinh môi trường.  + Ăn uống đầy đủ chất dinh dưỡng  + Tập luyện thể dục thể thao thường xuyên.  Kể tên được một biện pháp phòng tránh đúng được 0.25 điểm (có thể kể các biện pháp ngoài đáp án nhưng đúng vẫn cho điểm). | 1 điểm |
| **5**  (1.5 điểm) | **a** | Thức ăn để lâu bên ngoài, không được bảo quản dễ bị ôi thiu do bị vi khuẩn phân hủy | 0.5 điểm |
| **b** | Chúng ta không nên ăn thực phẩm đã bị ôi thiu. | 0.25 điểm |
| Vì dễ gây đau bụng, tiêu chảy, ngộ độc thực phẩm… | 0.25 điểm |
| **c** | Một số biện pháp giữ cho thực phẩm lâu hỏng:  - Bảo quản trong tủ lạnh.  - Phơi khô.  - Ướp muối.  - Bảo quản bằng chân không.  Kể tên được một biện pháp đúng được 0.25 điểm. (có thể kể các biện pháp ngoài đáp án nhưng đúng vẫn cho điểm). | 0.5 điểm |